

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM
CÔNG TY QUẢN LÝ BAY MIỀN TRUNG**

Số: 1023 /QLBMT-TGVCCSX
Về việc lấy báo giá lập dự toán mua sắm
gói hàng hoá công cụ thiết bị đo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty.

Trước tiên, Công ty Quản lý bay miền Trung gửi đến Quý Công ty lời chào trân trọng.

Hiện nay, Công ty Quản lý bay miền Trung đang triển khai thực hiện công tác mua sắm danh mục thiết bị đo (đính kèm phụ lục yêu cầu về hàng hóa và quy mô thực hiện).

Được biết Quý Công ty là đơn vị có kinh nghiệm trong việc cung cấp các loại hàng hoá thiết bị đo, Công ty Quản lý bay miền Trung đề nghị báo giá cho Công ty chúng tôi với chủng loại, số lượng nêu trên để làm cơ sở lập dự toán (giá bao gồm đầy đủ thuế và các chi phí liên quan).

Mọi chi tiết xin liên hệ:

- Công ty Quản lý bay miền Trung
 - + Địa chỉ: Tòa nhà 148 Duy Tân, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
 - + Số fax: (0236).3825349
 - + Liên hệ Ông: Nguyễn Văn Lợi – ĐT: 0766676899

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TGVCCSX.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Thắng

Phụ lục:

(Kèm theo công văn số 1023/QLBMT-TGVCCSX ngày 24 / 3 /2025)

STT	Nội dung	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Đồng hồ vạn năng số: - DCV: 0.1 mV ~ 1000 V /0.09% - ACV: 0.1 mV ~1000 V /1.0% - DCA: 0.01 mA ~10 A /1.0% - ACA: 10 A /1.5% - R: 0.1 Ω ~ MΩ /0.9% - C: 1 nF ~ 10,000 μF /1.2% - Hz: 100 kHz /0.1% - Nhiệt độ: -40°C/400°C /1.0%	Bộ	03	Hoặc chủng loại tương đương
2	Dây đo đồng hồ vạn năng số: - Gồm que đỏ và que đen - Chiều dài : 1.22m - CAT II 1000 V, , 10 A rating - CAT IV 600 V, CAT III 1000 V only with protective cap	Bộ	01	nt
3	Bộ test cáp mạng: - Tính năng: kiểm tra dây mạng - Đầu vào: RJ12 (6P6C) x 1; RJ45(8P8C) x 1 - Đầu ra: RJ12 (6P6C) x 1; RJ45(8P8C) x 1 - Chỉ báo trạng thái hoạt động	Bộ	04	nt
4	Đồng hồ Ampe kiểm: - Dải dòng điện DC:20.00 A / 600.0 A, Độ chính xác cơ bản: $\pm 1.3\%$ rdg. $\pm 0,08$ A (dải 20 A) - Dải dòng điện AC:20.00 A/600.0 A (10 Hz ~ 1 kHz, True RMS), Độ chính xác cơ bản: 45-66 Hz: $\pm 1,3\%$ rdg. $\pm 0,08$ A (tại 20 A) - Dải dòng điện DC + AC:20.00 A/600.0 A (10 Hz ~ 1 kHz, True RMS), Độ chính xác cơ bản DC, 45-66 Hz: $\pm 1,3\%$ rdg. $\pm 0,13$ A (tại 20 A) - Dải điện áp DC: 600.0mV ~ 1000V (Khi sử dụng P2000: 600.0 V ~ 2000 V)	Bộ	02	nt



2

STT	Nội dung	ĐVT	SL	Ghi chú
	- Dải điện áp AC: 6.000V ~ 1000V, 4 dải (15 Hz ~ 1 kHz, True RMS), Độ chính xác cơ bản 45 - 66 Hz: $\pm 0,9\%$ rdg. $\pm 0,003$ V (tại 6 V) - Dải điện trở: 600.0 Ω ~ 6.000 MΩ, 5 dải, Độ chính xác cơ bản: $\pm 0,7\%$ rdg. $\pm 0,5$ Ω (tại 600 Ω) - Dải điện dung: 1.000 μF ~ 1000 μF, 4 dải, Độ chính xác cơ bản: $\pm 1,9\%$ rdg. ± 0.005 μF (tại 1 μF)- - Dải tần số: 9.999 Hz ~ 999.9 Hz, 3 dải, Độ chính xác cơ bản: $\pm 0,1\%$ rdg. ± 0.003 Hz (tại 9.999 Hz) - Chống bụi, chống thấm nước: IP54 - Nguồn cấp: 2 Pin kiềm LR03			
5	Thiết bị đo điện trở đất: - Đo điện trở đất + Dải đo: 0.00 ~ 2000 Ω + Dải hiển thị: 0.00 ~ 20.99 Ω; 0.0 ~ 209.9 Ω; 0 ~ 2099 Ω + Độ chính xác: $\pm 1,5\%$rdg ± 0.08 Ω*2 (0.00 ~ 20.99 Ω); $\pm 1,5\%$rdg ± 4dgt (0.0 ~ 209.9 Ω) - Đo điện áp đất: + Dải đo: 0 ~ 300 V AC (45 – 65Hz); ± 0 ~ ± 300 V DC + Dải hiển thị: 0.0 ~ 314.9 V; 0.0 ~ ± 314.9 V + Độ chính xác: $\pm 1\%$rdg ± 4dgt - Nguồn: LR6(AA)(1.5V) $\times$ 6	Bộ	03	nt

*. Ghi chú: Báo giá kèm theo chi tiết: Phạm vi công việc của nhà thầu; Phương thức thanh toán; Thời hạn của báo giá; Thời gian thực hiện; Thời gian bảo hành.

